

Số: 33/QĐ-ĐHTB

Thái Bình, ngày 08 tháng 01 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học
được đào tạo trình độ đại học, cao đẳng, đại học liên thông hệ chính quy.**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH

Căn cứ Điều lệ trường Đại học ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính Phủ;

Căn cứ Quyết định số 1555/QĐ-TTg ngày 08 tháng 9 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Thái Bình trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Thái Bình;

Căn cứ Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình quy định về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Trường Đại học Thái Bình;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy;

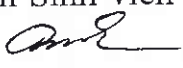
Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy; Căn cứ Thông tư số 17/2017/TT-BLDDTBXH ngày 30/06/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo cao đẳng;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Công tác Học sinh Sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học, cao đẳng, đại học liên thông hệ chính quy.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ học kỳ I năm học 2019-2020, các quy định trước đây liên quan đến đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên hệ chính quy tại Nhà trường trái với Quyết định này được bãi bỏ.

Điều 3: Các Ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo, Thanh tra và Pháp chế, Công tác Học sinh Sinh viên và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 

Nơi nhận:

- BGH nhà trường (để chỉ đạo)
- Như Điều 3;
- Lưu VT-CTHSSV.



**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TS. Trần Thị Hòa

Thái Bình, ngày 08 tháng 01 năm 2020

QUY CHẾ

Đánh giá kết quả rèn luyện của người học
được đào tạo theo trình độ đại học, cao đẳng, đại học liên thông hệ chính quy
(Ban hành kèm theo Quyết định số 33/QĐ-ĐHTB ngày 08/01/2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình)

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên hệ chính quy của Trường Đại học Thái Bình (sau đây gọi chung là sinh viên), bao gồm: đánh giá kết quả rèn luyện và khung điểm; phân loại kết quả và quy trình đánh giá; tổ chức đánh giá và sử dụng kết quả; tổ chức thực hiện.

2. Quy chế này áp dụng đối với sinh viên hệ chính quy, bao gồm cả chương trình đào tạo đại học liên thông và các chương trình đào tạo khác theo quy định tuyển sinh đầu vào của Nhà trường.

Điều 2: Mục đích

Việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên nhằm:

1. Góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục là đào tạo con người phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

2. Định hướng những nội dung rèn luyện cụ thể của sinh viên trong điều kiện đào tạo theo hình thức tín chỉ.

3. Làm căn cứ để xét cấp học bổng khuyến khích học tập, trợ cấp xã hội và các loại học bổng hàng năm của trường, căn cứ phân loại kết quả rèn luyện của sinh viên hàng kỳ, năm học, toàn khoá và đưa vào bảng điểm của sinh viên trước khi ra trường.

Điều 2: Yêu cầu

1. Việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên là việc làm thường xuyên từng học kỳ, năm học, toàn khoá.

2. Quá trình đánh giá đảm bảo kịp thời, chính xác, khách quan, công bằng, công khai, dân chủ, tôn trọng quyền làm chủ của người học được đánh giá.

3. Phối hợp đồng bộ, chặt chẽ các bộ phận, các đơn vị có liên quan trong nhà trường tham gia công tác đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên. 

CHƯƠNG II

QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI KẾT QUẢ RÈN LUYỆN SINH VIÊN

Điều 3: Quy trình đánh giá, xếp loại kết quả rèn luyện sinh viên

1. Việc đánh giá, xếp loại rèn luyện sinh viên được tiến hành theo định kỳ từng học kỳ, cả năm học và toàn khóa học.

2. Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên học kỳ:

a. Hàng ngày giảng viên lên lớp có trách nhiệm ghi nhận lại tình hình sinh viên chấp hành nội quy giờ học, đi muộn, về sớm, nghỉ học không có lý do, vi phạm nội quy lớp học... và cuối mỗi buổi học (hoặc cuối mỗi tuần) cập nhật vào phần mềm quản lý HSSV của nhà trường.

b. Hàng tháng Giáo viên chủ nhiệm/cố vấn học tập ghi nhận những kết quả của sinh viên đã tham gia các hoạt động phong trào của Nhà trường trong phần đánh giá điểm rèn luyện của lớp trên phần mềm quản lý sinh viên.

c. Ban chấp hành Đoàn trường gửi danh sách ghi nhận những sinh viên tham gia tích cực vào các hoạt động phong trào về Phòng Công tác Học sinh Sinh viên để cập nhật trên phần mềm (Phòng Công tác HSSV sẽ theo dõi chéo, những sinh viên chưa tham gia tích cực hoặc tham gia một cách chông đoi thì sẽ có ý kiến trao đổi với Ban chấp hành đoàn trường và không ghi nhận thành tích cho sinh viên đó).

d. Giáo viên chủ nhiệm/Cố vấn học tập có trách nhiệm nộp biên bản họp lớp và bảng tổng hợp kết quả đánh giá rèn luyện sinh viên lớp mình về khoa, phòng, trung tâm, bộ môn.

e. Kết quả đánh giá rèn luyện sinh viên được Trưởng khoa, phòng, trung tâm, bộ môn trực tiếp quản lý, giáo viên chủ nhiệm kiêm cố vấn học tập xem xét, xác nhận và chuyển về Phòng Công tác Học sinh Sinh viên để tổng hợp trình hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp trường.

g. Hiệu trưởng xem xét và công nhận kết quả đánh giá rèn luyện của sinh viên các khoa, phòng, trung tâm sau khi đã thông qua Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên cấp trường.

h. Kết quả đánh giá rèn luyện sinh viên phải được công bố công khai và thông báo cho sinh viên được biết.

CHƯƠNG III

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN VÀ KHUNG ĐIỂM

Điều 4: Nội dung, tiêu chí đánh giá và khung điểm

STT	Tiêu chí đánh giá điểm rèn luyện của sinh viên	Điểm trừ	Điểm trừ Max
1. Đánh giá về ý thức tham gia học tập (từ 0 đến 20 điểm)			20
1.1	Đánh giá về ý thức và thái độ trong học tập		20
1.1.1	Vi phạm trong giờ học trên lớp (đi muộn, về sớm, bỏ tiết...)	2	4
1.1.2	Vi phạm về trật tự lớp học	3	6
1.1.3	Vi phạm về nghỉ học không phép	5	10
1.2	Chấp hành quy định trong các kỳ thi kết thúc học phần và thi tốt nghiệp		20
1.2.1	Bị xử lý kỷ luật khiển trách trong khi thi	3	6

STT	Tiêu chí đánh giá điểm rèn luyện của sinh viên	Điểm trừ	Điểm trừ Max
1.2.2	Bị xử lý kỷ luật cảnh cáo trong khi thi	4	8
1.2.3	Bị xử lý kỷ luật đình chỉ trong khi thi	6	6
1,3	Đánh giá kết quả học tập		20
1.3.1	Điểm TBC học tập học kỳ: Thang điểm 10 - Từ 5,0 đến 5,4 điểm tương ứng với thang điểm chữ (D+).	2	2
1.3.2	Điểm TBC học tập học kỳ: Thang điểm 10 - Từ 4,0 đến 4,9 điểm tương ứng với thang điểm chữ (D).	5	5
1.3.3	Điểm TBC học tập học kỳ: Thang điểm 10 - Từ 0 đến 3,9 điểm tương ứng với thang điểm chữ (F).	8	8
1.3.4	Bị cấm thi (1 lần)	5	5
2.	Đánh giá về ý thức và kết quả chấp hành nội quy, quy chế nhà trường (từ 0-25 điểm)		25
2,1	Chấp hành các văn bản chỉ đạo của ngành, của cơ quan chỉ đạo cấp trên		25
2.1.1	Khai báo thông tin cá nhân, lý lịch không đúng	5	5
2.1.2	Không tham gia Bảo hiểm y tế	5	5
2.1.3	Nộp chậm học phí và các khoản phí khác	15	15
2,2	Chấp hành các nội quy, quy chế và các quy định khác được áp dụng trong trường		25
2.2.1	Chậm thực hiện các nội dung về Công tác sinh viên theo thông báo của trường gây ảnh hưởng tiến độ thực hiện	5	5
2.2.2	Không thực hiện các yêu cầu, nhiệm vụ của sinh viên (giữ gìn an ninh trật tự, vệ sinh môi trường tại khu vực giảng đường, nội trú, ngoại trú, khuôn viên trường học).	5	5
2.2.3	Vi phạm quy định về trang phục đến lớp học, đồng phục học tập môn giáo dục thể chất và các môn thực hành chuyên ngành theo quy định).	3	3
2.2.4	Vi phạm quy định về thể sinh viên (Trừ các môn: giáo dục thể chất, thực hành cơ khí, ô tô, nhiệt lạnh.	2	2
2.2.5	Làm hư hỏng tài sản, thiết bị của nhà trường	10	10
2.4	Tham gia các hoạt động trái phép trong và ngoài trường (Kích động, lôi kéo người khác biểu tình, viết truyền đơn, áp phích trái pháp luật).	15	15
2,5	Trừ điểm rèn luyện		20
2.5.1	Có hành vi không trung thực/khiêm nhã/hút thuốc lá không đúng nơi quy định/nói tục/chửi thề/.....	5	5
2.5.2	Có hành vi gây rối An ninh trật tự/vô lễ với Giảng viên, Công nhân viên, người lao động trong trường/tự ý đưa người ngoài vào với mục đích xấu, để sự việc xảy ra xấu hoặc ảnh hưởng xấu tới nhà trường.	15	15
2.6	Bị xử lý kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên (cấp trường)	15	15
2.7	Không tham gia Tuần sinh hoạt công dân HSSV và tham gia hoạt động theo yêu cầu của nhà trường.	5	5
3.	Không có ý thức tham gia các hoạt động chính trị, văn hóa, xã hội (Kế hoạch và danh sách đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt)	10	10
4.	Đánh giá về ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng (từ 0 đến 25 điểm)		

STT	Tiêu chí đánh giá điểm rèn luyện của sinh viên	Điểm trừ	Điểm trừ Max
4,1	Chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước		25
4.2.1	Không chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước.	15	15
4.2.2	Bị gửi công văn (hoặc giấy phạt) thông báo vi phạm pháp luật, gây mất trật tự, an toàn xã hội, vi phạm An toàn giao thông...	10	10
4.2	Bị cảnh cáo trước toàn lớp, khoa (kèm biên bản) về hành vi gây bất hòa, chia rẽ trong nội bộ lớp, khoa, trường.	10	10
5.	Đánh giá về ý thức, kết quả tham gia các hoạt động đoàn thể, hoạt động xã hội và các hoạt động khác và công tác Ban cán sự lớp, Ban chấp hành chi đoàn, Chi hội khuyến học (từ 0 đến 10 điểm)		10
5.1	Không có ý thức tinh thần, thái độ, uy tín và hiệu quả công việc của Ban cán sự lớp, Ban chấp hành chi đoàn, Chi hội khuyến học.	4	4
5.2	Không có kỹ năng tổ chức, quản lý lớp, quản lý các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các tổ chức khác trong trường.	3	3
5.3	Không hỗ trợ và tham gia tích cực vào các hoạt động chung của lớp, tập thể, khoa và trong trường.	3	3

Ghi chú: Điểm rèn luyện mặc định cho mỗi sinh viên được đưa vào trong phần mềm tối đa là 85 điểm

Điểm thưởng tối đa là 15 điểm khi sinh viên tham gia các hoạt động sau:

1. Tham gia vào Ban cán sự lớp, Ban chấp hành chi đoàn, Chi hội khuyến học (+5 điểm).
2. Tham gia Hiến máu tình nguyện (+5 điểm).
3. Tham gia Nghiên cứu khoa học và tham gia tích cực vào các hoạt động phong trào của nhà trường (+5 điểm).

CHƯƠNG IV ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN VÀ KHUNG ĐIỂM

Điều 5: Phân loại kết quả rèn luyện

1. Kết quả rèn luyện được phân thành các loại: xuất sắc, tốt, khá, trung bình, yếu và kém.

2. Phân loại kết quả rèn luyện:

- a. Từ 90 điểm đến 100 điểm: Loại xuất sắc;
- b. Từ 80 điểm đến dưới 90 điểm: Loại tốt;
- c. Từ 65 điểm đến dưới 80 điểm: Loại khá;
- d. Từ 50 điểm đến dưới 65 điểm: Loại trung bình;
- e. Từ 35 điểm đến dưới 50 điểm: Loại yếu;

g. Dưới 35 điểm. Loại kém:

2. Kết quả đánh giá rèn luyện qua từng học kỳ được căn cứ trên cơ sở điểm trung bình cộng kết quả rèn luyện hàng tháng.

Đối với những sinh viên có thành tích xuất sắc trong học tập, rèn luyện, giáo viên chủ nhiệm/cố vấn học tập có trách nhiệm đề xuất với nhà trường có thêm những biện pháp khuyến khích, biểu dương, khen thưởng để kết quả đánh giá rèn luyện học kỳ đảm bảo tính chính xác, công bằng.

Điều 5: Đánh giá, xếp loại rèn luyện trong trường hợp sinh viên bị kỷ luật.

1. Những sinh viên bị kỷ luật từ mức khiển trách trước toàn trường trở lên khi đánh giá rèn luyện của học kỳ có quyết định kỷ luật không vượt quá loại Khá.
2. Những sinh viên bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trước toàn trường trở lên khi đánh giá rèn luyện của học kỳ có quyết định kỷ luật không vượt quá loại trung bình.

Điều 6: Hội đồng đánh giá, xếp loại rèn luyện sinh viên

1. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên cấp khoa, phòng, trung tâm, tổ bộ môn trực thuộc Ban Giám hiệu (Hội đồng cấp khoa) có nhiệm vụ giúp Trường khoa xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của từng sinh viên. Thành phần Hội đồng cấp khoa gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Trường khoa hoặc Phó Trường khoa được Trường khoa uỷ quyền.

- Các uỷ viên: do Trường khoa chỉ định.

2. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên cấp trường là cơ quan tư vấn có nhiệm vụ giúp Hiệu trưởng xem xét, công nhận kết quả rèn luyện của sinh viên. Thành phần Hội đồng cấp trường gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền.

- Thường trực Hội đồng: Đại diện Phòng Công tác Học sinh Sinh viên.

- Các uỷ viên: Đại diện các Khoa, Phòng, Trung tâm, Bộ môn trực thuộc Ban Giám hiệu; đại diện Đoàn thanh niên Nhà trường...

Điều 7: Thời gian đánh giá.

1. Việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên được tiến hành định kỳ theo từng tháng và từng học kỳ, cả năm học và toàn khóa học.

2. Điểm rèn luyện của học kỳ là tổng điểm đạt được của các tháng (theo hướng dẫn cụ thể kết quả và khung điểm).

3. Điểm rèn luyện của năm học là trung bình cộng của điểm rèn luyện các học kỳ của năm học đó.

4. Điểm rèn luyện toàn khóa là điểm trung bình cộng của điểm rèn luyện học kỳ của khóa học.

Điều 8: Sử dụng kết quả đánh giá, rèn luyện của sinh viên

1. Kết quả đánh giá rèn luyện của sinh viên toàn khóa học được lưu trong hồ sơ quản lý sinh viên của trường và được sử dụng trong việc xét duyệt học bổng, xét khen thưởng – kỷ luật, xét thôi học, ngừng học, bảo lưu, xét lưu trú ký túc xá, xét giải quyết việc làm thêm ...

2. Kết quả đánh giá rèn luyện của sinh viên làm căn cứ để xét thi tốt nghiệp, làm luận văn hoặc khóa luận tốt nghiệp.

3. Kết quả đánh giá rèn luyện của toàn khóa học của sinh viên được ghi chung vào bảng điểm kết quả học tập và lưu trong hồ sơ của sinh viên khi tốt nghiệp ra trường.

4. Sinh viên có kết quả rèn luyện xuất sắc được nhà trường xem xét biểu dương khen thưởng.

5. Sinh viên có kết quả rèn luyện loại kém trong 2 học kỳ liên tiếp thì phải tạm ngừng học ít nhất một học kỳ ở học kỳ tiếp theo và nếu bị xếp loại rèn luyện yếu kém cả 2 học kỳ liên tiếp thì sẽ bị buộc thôi học. 

Điều 9: Quyền khiếu nại

Sinh viên có quyền khiếu nại lên nhà trường về đánh giá kết quả rèn luyện của học kỳ, của năm học và toàn khoá học nếu thấy việc đánh giá kết quả rèn luyện chưa chính xác.

Phòng Công tác Học sinh Sinh viên là đầu mối tiếp nhận và trả lời khiếu nại của sinh viên. Kết quả giải quyết khiếu nại của Hiệu trưởng là Quyết định cuối cùng. *Am*



**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Thanh Hoa
TS. Trần Thị Hòa